

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HS-ST

Ngày: 28/08/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Gấm**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Thanh Trí**.

Ông **Lư Thành Danh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Hoàng Minh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R tham gia phiên tòa: Ông **Võ Thanh Thoại** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/HSST, ngày 17 tháng 07 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 07/08/2024 đối với bị cáo:

Bùi D Q, sinh ngày 19/5/1999, tại Đ T;

Nơi thường trú: Khóm Phú Hòa, thị trấn C T H, huyện C T, tỉnh Đ T. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi D C và con bà Lê T T M; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/04/2024, đang tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an quận C R, thành phố C T.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: **Trần P M**, sinh năm 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 15, tổ 71, khu vực 10, phường H P, quận C R, thành phố C T.

Nơi ở hiện tại: 232/3 đường 30/4, phường H L, quận N K, thành phố C T.

Địa chỉ liên hệ: Hẻm 51, đường 3/2, phường An Khánh, quận N K, thành phố C T.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Bùi T T N**, sinh năm 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 13 khóm Phú Hòa, thị trấn C T H, huyện C T, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01 tháng 3 năm 2024, bị cáo Bùi D Q thấy thông tin của anh Trần P M đăng trên mạng xã hội Facebook về việc anh M muốn tìm người ở trọ chung với anh M. Đến ngày 03 tháng 3 năm 2024, bị cáo Q liên hệ với anh M đề nghị ở trọ ghép thì được anh M đồng ý. Khi đến phòng trọ thì bị cáo Q thấy anh M có sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Winner X, biển số 95E2 – 117.34 nên bị cáo Q nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 07 tháng 3 năm 2024, lợi dụng lúc anh M đang ngủ say, bị cáo Q đã lén lút lục trong túi xách của M lấy chìa khóa xe và một bóp da bên trong có số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng), một căn cước công dân và một giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần P M. Sau đó, bị cáo Q lén lút dẫn xe ra khỏi phòng trọ, điều khiển xe bỏ trốn và chặn mọi liên lạc với anh M.

Đến khoảng 05 giờ 50 phút, ngày 07 tháng 3 năm 2024 anh M thức dậy phát hiện xe mô tô hiệu Winner X biển số 95E2 - 117.34 cùng bóp da, giấy tờ cá nhân và số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng) của mình đã bị mất. Anh M kiểm tra thì phát hiện trước phòng trọ chỉ còn xe mô tô hiệu Jupiter biển số 59H1 – 852.26 của bị cáo Q để lại. Anh M đã liên lạc với bị cáo Q nhưng không được. Đến ngày 21 tháng 4 năm 2024, anh M đến Công an phường H P, quận C R trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 38/TCKH-HĐĐG ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Cải Răng, thành phố C T kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Winner X, biển số 95E2 - 117.34 đã qua sử dụng có giá trị là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); 01 (Một) bóp nam không rõ nhãn hiệu, không hóa đơn, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chất liệu, không thu hồi được, không xác định được giá trị. Tổng số tiền mà bị cáo Bùi D Q đã chiếm đoạt được là 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

Đồ vật, tài liệu tạm giữ: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Winner X, biển số 95E2 - 117.34; 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Jupiter V, biển số 59H1 – 852.26.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C R đã trả lại cho bị hại Trần P M 01 (một) xe mô tô hiệu Winner X, biển số 95E2 - 117.34, trả lại cho bà Bùi T T N 01 (Một) xe mô tô hiệu Jupiter V, biển số 59H1 852.26. Đối với một căn cước công dân và một giấy phép lái xe hạng A1 của anh M thì bị cáo Q đã mang đi thế chấp cho người khác, không thu hồi được.

Về phân trách nhiệm dân sự, bị hại Trần P M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm ngàn đồng), đại diện gia đình bị can đã bồi thường xong. Hiện phía bị hại không có yêu cầu khác.

Tại bản cáo trạng số: 72/CT-VKS-CR, ngày 16 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận C R truy tố bị cáo Bùi D Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung của cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi D Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi D Q từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi D Q.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C R đã xử lý tài sản trả chủ sở hữu xong nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận việc bị hại đã nhận tiền bồi thường từ gia đình bị cáo số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng) và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường thêm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thì bị cáo và gia đình bị cáo là bà Nhi đồng ý tự nguyện bồi thường số tiền này cho bị hại nên đề nghị ghi nhận.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian cải tạo và sửa chữa lỗi lầm, trở thành người có ích cho xã hội.

Phần trình bày của bị hại – anh Trần P M: Trong quá trình điều tra cơ quan chức năng đã trả lại xe mô tô mà bị cáo đã trộm cho anh. Về trách nhiệm dân sự thì anh đã nhận bồi thường từ gia đình bị cáo số tiền mà bị cáo đã trộm 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi nhận xe về thì bị trầy xước, bị hại phải tốn chi phí sửa xe và chi phí đi làm lại căn cước công dân, bằng lái xe nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - bà Bùi T T N: Trong quá trình điều tra cơ quan chức năng đã trả lại xe mô tô và điện thoại thu giữ từ bị cáo Q cho bà. Về việc phía bị hại yêu cầu bồi thường thêm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thì bà đồng ý bồi thường. Đối với số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng) mà bà đã trả cho bị hại thì không yêu cầu bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại gì về thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 07 tháng 3 năm 2024, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm tài sản của bị hại anh Trần P M gồm 01 (Một) xe mô tô hiệu Winner X, biển số 95E2 - 117.34 đã qua sử dụng và 01 (Một) bóp da bên trong có số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng), 01 (Một) căn cước công dân và 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần P M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 38/TCKH-HĐĐG ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Cải Răng, thành phố C T kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Winner X, biển số 95E2 - 117.34 đã qua sử dụng có giá trị là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng); 01 (Một) bóp nam không rõ nhãn hiệu, không hóa đơn, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chất liệu, không thu hồi được, không xác định được giá trị. Tổng số tiền mà bị cáo Bùi D Q đã chiếm đoạt được là 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng).

Lời thừa nhận của bị cáo sau khi lén lút trộm lấy được tài sản của bị hại là nhằm mục đích để sử dụng, tiêu xài cá nhân. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra lại tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 29.100.000 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm nghìn đồng) trên 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và dưới 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điều khoản luật đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo đã thành niên, có khả năng lao động nhưng lại lười biếng, tham lam, chỉ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn

cho nhu cầu cá nhân. Bị cáo biết hành vi thực hiện của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật cho thấy ý thức chủ quan của tội phạm là cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và trong quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đồng thời tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường thêm và bị cáo cũng thống nhất bồi thường. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[4] Trên cơ sở xem xét toàn diện nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nhận thấy, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là tương đối lớn vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích cho xã hội sau này. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng mức hình phạt đầu khung mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị cho bị cáo, điều đó cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần P M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận bồi thường từ gia đình bị cáo với số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng). Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo Bùi D Q và bà Bùi T T N đồng ý bồi thường thêm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho bị hại anh Trần P M.

[7] Về án phí:

Bị cáo **Bùi D Q** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi D Q** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi D Q** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 23/04/2024.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ghi nhận việc bị hại Bùi D Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đã nhận bồi thường số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu, một trăm nghìn đồng) từ gia đình bị cáo. Ghi nhận tại phiên tòa bị cáo Bùi D Q và bà Bùi T T N đồng ý bồi thường thêm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho bị hại anh Trần P M.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Bùi D Q** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Bùi D Q** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C T;
- VKSND Q. C R;
- Chi Cục THA Q. C R;
- Cơ quan điều tra - Công an Q. C R;
- Nhà tạm giữ Công an quận C R;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẮM